TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/DS-ST
Ngày 02 - 3 - 2026
"V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lữ Văn Tâm.
2. Bà Trần Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.

Ngày 02 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai (cơ sở 2) mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2025/TLST-DS ngày 17/11/2025 "Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐXXST-DS ngày 13/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2026/QĐST-DS ngày 03/02/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T3 (viết tắt là JIVF). Địa chỉ: Lầu A, Tòa nhà C, 7 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Kim T, Trưởng bộ phận cấp cao - Công ty J (Theo Giấy ủy quyền số: 98/2025/UQ-JIVF ngày 24/7/2025 của Tổng Giám đốc Công ty J). Người được ủy quyền lại: Bà Vi Thị Minh T1, sinh năm 2002, CCCD số: 064302012082, cấp ngày 10/5/2021; địa chỉ: G T, phường P, tỉnh Gia Lai (Theo Hợp đồng ủy quyền số 252/2025/UQ-TT ngày 03/10/2025). Vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ T2, sinh năm 1992, CCCD số: 064192009xxx, cấp ngày 28/6/2021; địa chỉ: A L, Tổ B A, phường A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 23/4/2024, bà Nguyễn Thị Mỹ T2 ký hợp đồng tín dụng số 930430005248798000 với JIVF vay tiền mặt theo hình thức trả góp hàng tháng, số tiền vay: 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*, lãi suất: 31,8%/năm, thời hạn vay: 36 tháng. Thực hiện hợp đồng tín dụng,

JIVF đã giải ngân số tiền trên theo thỏa thuận tại hợp đồng và bà T2 đã nhận tài sản. Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng thì bà T2 có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc, lãi và phí trong vòng 36 tháng, mỗi tháng bà T2 phải thanh toán cho JIVF số tiền là 4.356.345 đồng vào trước hoặc đúng ngày 22 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng, ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ 22/5/2024. Từ ngày 22/5/2024 đến ngày 27/3/2025, bà T2 thanh toán cho JIVF được số tiền là 47.951.245 đồng (Trong đó, tiền gốc: 21.487.395 đồng, lãi trong hạn: 26.300.400 đồng, lãi quá hạn: 31.450 đồng, phí: 132.000 đồng). Tuy nhiên, từ sau ngày 27/3/2025 đến nay, bà T2 không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho JIVF và cố tình lẩn tránh. Việc bà T2 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của JIVF. Vì vậy, căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số 930430005248798000 ngày 23/4/2024, JIVF yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bà Nguyễn Thị Mỹ T2: Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ T2 phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho JIVF, tổng số tiền tính đến hết ngày 03/02/2026 là 104.701.744 đồng (Trong đó, nợ gốc: 78.512.605 đồng, lãi trong hạn: 21.619.405 đồng, lãi quá hạn: 4.437.734 đồng, phí: 132.000 đồng). Bà Nguyễn Thị Mỹ T2 tiếp tục phải thanh toán cho JIVF tiền lãi, lãi quá hạn và phí từ sau ngày 03/02/2026 cho đến khi hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 930430005248798000 ngày 23/4/2024.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T2 mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty T3 JACCS khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Mỹ T2, sinh năm 1992; địa chỉ: A L, Tổ B A, phường A, tỉnh Gia Lai, yêu cầu bà T2 phải trả số tiền đã vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai. Người đại diện của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Theo yêu cầu khởi kiện của Công ty T3, cùng với việc cung cấp chứng cứ là Giấy đề nghị vay kiêm phương án sử dụng vốn ngày 23/4/2024, Hợp đồng tín dụng số 930430005248798000 ngày 23/4/2024 và Giấy nhận nợ ngày 24/3/2024 thì có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Mỹ T2 có vay

và còn nợ Công ty J, tổng số tiền tính đến hết ngày 03/02/2026 là 104.701.744 đồng (Trong đó, nợ gốc: 78.512.605 đồng, lãi trong hạn: 21.619.405 đồng, lãi quá hạn: 4.437.734 đồng, phí: 132.000 đồng). Xét thấy, hợp đồng tín dụng mà hai bên giao kết là hoàn toàn tự nguyện và đúng theo quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý ràng buộc trách nhiệm của các bên. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, bà T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đến hạn theo cam kết. Vì vậy, Công ty J khởi kiện yêu cầu bà T2 thanh toán tiền gốc và tiền lãi phát sinh là có căn cứ theo quy định tại các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N.

[3] Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty J, buộc bà Nguyễn Thị Mỹ T2 phải trả cho Công ty J tạm tính đến ngày 03/02/2026 là 104.701.744 đồng (Trong đó, nợ gốc: 78.512.605 đồng, lãi trong hạn: 21.619.405 đồng, lãi quá hạn: 4.437.734 đồng, phí: 132.000 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 04/02/2026 cho đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Như vậy, bà T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 104.701.744 đồng, như sau: 104.701.744 đồng x 5% = 5.235.087 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T3 JACCS.

- Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ T2 phải trả cho Công ty T3 JACCS số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 03/02/2026 là 104.701.744 đồng (Trong đó, nợ gốc: 78.512.605 đồng, lãi trong hạn: 21.619.405 đồng, lãi quá hạn: 4.437.734 đồng, phí: 132.000 đồng). Bà T2 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 04/02/2026 đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.235.087 đồng *(Năm triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn không trăm tám mươi bảy đồng).* Công ty J không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Công ty J số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.330.000 đồng *(Hai triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0005318 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 02/3/2026, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13-Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 13-Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông